TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 125/2021/DS-ST
Ngày 29/9/2021
V/v "Kiện tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Nguyễn Thị Bạn.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Dương Thị Bích Dịu – Cán bộ TAND thành phố Buôn Ma Thuột.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:* Bà Trần Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2021 tại phòng xử án, TAND Tp. Buôn Ma Thuột đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 496/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2021/QĐST-DS ngày 09/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2021/QĐST-DS ngày 16/8/2021; Thông báo dời lịch phiên tòa số 45/2021/TB-TA ngày 13/9/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 00, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B.

Địa chỉ*:* Thôn 00, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ng trình bày:

Năm 2014, 2015 gia đình tôi có bán cho gia đình ông B, bà L một số thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm (cám) để chăn nuôi cá và gia cầm. Quá trình mua bán vợ chồng bà L thanh toán tiền theo hình thức gối đầu. Ngày 27/01/2015 tôi và bà L cộng sổ (chốt nợ), theo đó bà L xác nhận còn nợ tôi số tiền 223.817.000đ sau khi chốt nợ bà L có ký vào bảng kê cho tôi giữ; Ngày 18/02/2015 bà L trả cho tôi số tiền 70.000.000đ, bà L còn nợ lại tiền 155.355.000đ + 2.070.000đ tiền lãi, số tiền còn nợ lại là 157.425.000đ. Ngày 18/4/2015 bà L thanh toán tiếp cho tôi được 60.000.000đ, còn nợ lại tôi số tiền là 97.425.000 đồng. Sau ngày 18/4/2015 đến nay tôi đã rất nhiều lần đến nhà bà L ông B yêu cầu bà L ông B phải thanh toán cho tôi số nợ trên song không có kết quả. Việc ông B bà L cố tình chây ì không chịu thanh toán cho tôi số tiền trên ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi.

Do trong quá trình mua hàng (cám) thì vợ chồng bà L đều biết, bản thân ông B cũng có một số lần trực tiếp đến lấy cám của tôi. Vì đây là khoản nợ chung của ông B, bà L. Do vậy, tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Lê B và bà Vũ Thị Kim L có trách nhiệm thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc là 97.425.000 đồng.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện tôi có yêu cầu Tòa án buộc bà L ông B phải thanh toán cho tôi khoản tiền lãi suất theo mức lãi 1%/tháng. Hiện tại tôi xét thấy việc yêu cầu tính lãi là không cần thiết. Do vậy tôi đã có đơn rút yêu cầu đối với yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

Tại bản kết luận giám định số: 55/PC09 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: " Chữ ký tại dòng kẻ thứ 5 tính từ dưới lên ở bên phải và chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Kim L, tại dòng kẻ từ 14, 15 tính từ dưới lên ở phía bên phải trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký chữ viết đứng tên Vũ Thị Kim L trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết ra."

Bị đơn bà Vũ Thị Kim L, ông Lê B mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bà bà L ông B không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sư. Bà Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428; Điều 428, Điều 432, Điều 434, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê B và bà Vũ Thị Kim L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 97.425.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ng về yêu cầu buộc ông Lê B và bà Vũ Thị Kim L thanh toán số tiền lãi là 63.000.000đ (sáu mươi ba triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định về vụ án như sau:

[1] Về hình thức: Đơn khởi kiện ngày 10/10/2019 của bà Nguyễn Thị Ng đề nghị Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột buộc bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B phải trả số tiền 97.425.000 đồng tiền mua cám. Như vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015 và Điều 428 BLDS 2015. Bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B có hộ khẩu thường trú tại xã E, thành phố B nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 thì Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B. Tại phiên tòa hôm nay bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B tiếp tục vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Trần Thị Ng và bị đơn bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B.

[3] Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ng yêu cầu bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B phải trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 97.425.000đ tiền bà L ông B đã mua cám của bà Ng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào chứng cứ mà bà Trần Thị Ng cung cấp tại Tòa án thì: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến tháng 01/2015 bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B đã mua mua thức ăn gia súc của bà Trần Thị Ng rất nhiều lần.

Sau mỗi lần mua bán nói trên bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B đều ký tên B hoặc L vào sổ của bà Ng. Đến ngày 27/01/2015 thì bà L và bà Ng đã đối chiếu công nợ (cộng sổ). Theo đó bà L xác nhận còn nợ bà Ng số tiền 223.817.000đ (hai trăm

hai mươi ba triệu, tám trăm mười bảy nghìn đồng). Bà L ký và ghi họ tên của mình phía dưới số tiền 223.817.000đ. Sau khi chốt nợ, đến ngày 18/02/2015 bà L thanh toán cho bà Ng số tiền 70.000.000đ. Số tiền bà L ông B còn nợ lại của bà Ng là 155.335.000đ. Ngày 08/4/2015 bà L thanh toán cho bà Ng được số tiền 60.000.000đ. Số tiền bà L, ông B còn nợ lại bà Ng là 97.425.000đ (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Bà Vũ Thị Kim L đã ký tên mình vào ngay bên cạnh số tiền 97.425.000đ. Do bà L, ông B thanh toán nợ cho bà Ng nên bà Ng đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ông B bà L thanh toán số tiền 97.425.000đồng cho bà Ng.

Mặc dù trong quá trình giải quyết bà bà Vũ Thị Kim L, ông Lê B không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và không tham gia vào các Phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, và không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên, căn cứ vào Kết luận giám định 55/PC09 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk. HĐXX có đủ căn cứ khẳng định việc bà L ông B mua cám của bà Ng là đúng thực tế. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình và không có sự ép buộc trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự này. Khi thực hiện hợp đồng mua bán này thì bên mua bà L ông B ký xác nhận. Mặc dù trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên toà bị đơn cố tình vắng mặt, nhưng qua kết quả giám định đã xác định được chứng cứ phía nguyên đơn cung cấp là có cơ sở pháp lý phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên cần xác định việc giao kết hợp đồng giữa bà Ng và bà L, ông B là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, sau khi mua tài sản bà L ông B không thanh toán đầy đủ tiền cho bà Ng nên bà L, ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau:

"Hợp đồng mua bán tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán"

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 428, Điều 432, Điều 434, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để buộc phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn 97.425.000đ (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền mua cám là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Ng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 63.000.000đồng. Xét thấy, việc bà Ng rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về chi phí giám định: Do bị đơn cố tình trốn tránh không tham gia tố tụng, nên nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định để trưng cầu giám định chữ viết của phía bị đơn. Kết luận giám định 55/PC09 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã xác định được chứng cứ nguyên đơn cung cấp có chữ viết của bị đơn là đúng. Vì vậy áp dụng khoản 4 Điều 161 BLTTDS buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí giám định 4.860.000đ (Bốn triệu tám trămsáu mươi nghìn đồng) là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bà Nguyễn Thị Ng và ông Lê B phải chịu án phí DSST của số tiền 97.425.000đ là 4.871250đ. Theo mức như sau 97.425.000đ x 5% = 4.871.250đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Do yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng được chấp nhận nên bà Ng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp.

[6] Xét quan điểm, đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 161, Điều 220; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 428, 432, 434 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng.

+ Buộc bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ng số tiền 97.425.000đ. (Chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2021) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015"

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ng về việc yêu cầu bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B thanh toán khoản tiền lãi là 63.000.000đ (Sáu mươi ba triệu đồng)

2. Về chi phí giám định: Bà Trần Thị Ng được nhận lại số tiền chi phí giám định là 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng) khi thu từ bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị Kim L và ông Lê B phải nộp 4.871.250đ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ng số tiền 4.019.000đ (Bốn triệu không trăm mười chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị Ng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012871 ngày 15/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND tỉnh ĐắkLắk;*
- *VKSND TP.BMT;*
- *Chi cục THA DS B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền